

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1529/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Kim Hương

2. Bà Lê Thị Sao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 938/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 893/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 605/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/07/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Diệu H**, sinh năm 1985 (Có mặt)

CCCD số 046185014053

Thường trú: **Số D đường số F, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Tạm trú: **Số A đường số B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

CCCD 045078005299

Thường trú: **Số D đường số F, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Tạm trú: **Số A đường số B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Diệu H** trình bày:

Bà và ông **Nguyễn Ngọc T** tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển đến sinh sống tại Thành phố Hồ

Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng thiếu sự tin tưởng, ít chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến hai bên sống ly thân. Hiện vợ chồng không còn sống chung nhà. Bà ra ngoài thuê nhà sống riêng. Hai bên không còn trao đổi hay nói chuyện gì với nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có hạnh phúc. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung là trẻ tên trẻ Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 28/10/2011 và trẻ Nguyễn Ngọc Tấn P, sinh ngày 11/8/2017. Khi giải quyết ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con. Bà yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/02 trẻ (Tức 2.500.000 đồng/tháng/01 trẻ). Thi hành từ tháng 8/2026 cho đến khi các con trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Bà xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Ngọc T nhưng ông T vẫn vắng mặt. Ông T không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại phường B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà H, ông T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại bà H và ông T không sống chung nhà, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ và chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện ông T không mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà H khai có hai con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 28/10/2011 và trẻ Nguyễn Ngọc Tấn P, sinh ngày 11/8/2017. Bà H yêu cầu được nuôi hai con chung, bà H yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/02 trẻ (Tức 2.500.000 đồng/tháng/01 trẻ). Bà H thừa nhận hiện nay các con đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng ông T có nộp học phí cho các con, có cho tiền con để ăn sáng. Ngoài ra, trẻ Q và trẻ P có

nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy bà **H** là người trực tiếp nuôi con, nên ông **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời mức cấp dưỡng mà bà **H** yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 81, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà **H**.

Về tài sản chung: Bà **H** xin tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà **H** khai không có. Nếu ông **T** có chứng cứ chứng minh giữa ông với bà **H** có nợ chung thì được giải quyết trong vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Diệu H**, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do ông **T** hiện đang cư ngụ tại phường **B** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **Nguyễn Ngọc T** nhưng ông **T** vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông **T** theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn ông **Nguyễn Ngọc T** không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặt dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn bà **H** để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **H**, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 23/9/2011, quan hệ hôn nhân giữa bà **Nguyễn Thị Diệu H** và ông **Nguyễn Ngọc T** là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà **H** nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà **H** yêu cầu được ly hôn với ông **T**.

Căn cứ vào lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Thời gian bà **H**, ông **T** chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không bàn bạc, trao đổi, quan tâm, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà **H**, ông **T** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến bà **H** và ông **T** không sống chung nhà. Mặt khác, ông **T** không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình

về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện ông **T** chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Thực tế bà **H**, ông **T** không sống chung nhà nên các bên không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà **H** đối với ông **T** là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Xét, bà **H** yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là trẻ **Nguyễn Ngọc Q**, sinh ngày 28/10/2011 và trẻ **Nguyễn Ngọc Tấn P**, sinh ngày 11/8/2017. Bà **H** yêu cầu ông **T** đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/02 trẻ (Tức 2.500.000 đồng/tháng/01trẻ). Thực hiện từ tháng 08/2026 cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông **T** không đến Tòa án để trình bày lời khai nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông đối với con chung. Tuy nhiên việc xem xét giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Mặt khác, trẻ **Q**, trẻ **P** phát hiện đang sinh sống cùng bà **H** và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó để tránh sự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của bà **H** là có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên thỏa thuận, căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà **H** là người trực tiếp nuôi các con, ông **T** là cha của trẻ **Q**, trẻ **P** và người không trực tiếp nuôi dưỡng nên phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, bà **H** thừa nhận hàng tháng ông **T** vẫn đóng học phí và có cho con tiền để ăn sáng. Ngoài ra mức cấp dưỡng bà **H** yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật (Hiện mức lương cơ sở là 2.530.000 đồng theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ). Căn cứ Điều 81, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà **H** là có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà **H** khai không có. Trường hợp ông **T** có chứng cứ cho rằng hai bên có nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông **T** phải chịu án phí đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Dịu H.**

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Dịu H** được ly hôn với ông **Nguyễn Ngọc T.** Quan hệ hôn nhân giữa bà **H** và ông **T** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyền số 01/2011 do **Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị** cấp ngày 23/9/2011, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là trẻ **Nguyễn Ngọc Q**, sinh ngày 28/10/2011 và trẻ **Nguyễn Ngọc Tấn P**, sinh ngày 11/8/2017 cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **T** đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/02 trẻ (Tức 2.500.000 đồng/tháng /01 trẻ). Thi hành từ tháng 8/2026 cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Ông **T** có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Bà **H** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông **T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông **T** lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà **H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông **T**.

Trong trường hợp bà **H** không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông **T** hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà **H** có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông **T** chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung : Bà **H** xin tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà **H** khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà **Nguyễn Thị Dịu H** chịu được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà **H** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0040035 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông **Nguyễn Ngọc Trọng C.**

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP . HCM ;
- VKSND TP. HCM ;
- VKSND KV 9, TP . HCM;
- THA DS TP . HCM ;
- UBND xã Diên Sanh,
tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương